

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG BUỔI ĐẦU TIẾP XÚC TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Nguyễn Quốc Mạnh

Trung tâm Khảo cổ học (Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ)

Email: nguyenmanh2879@yahoo.com

Ngày nhận bài: 9/10/2024; ngày hoàn thành phản biện: 11/10/2024; ngày duyệt đăng: 20/3/2025

TÓM TẮT

Các di tích thời Tiền sử muộn (2.700 - 2.000BP) ở đồng bằng sông Cửu Long là một phần cấu thành quan trọng trong truyền thống văn hóa Tiền sử Nam Bộ. Các phát hiện khảo cổ học cho thấy cư dân tiền sử ở miền đất này đã phát triển mạnh mẽ hoạt động trao đổi, giao lưu thương mại ngay từ nửa cuối thiên niên kỷ I trước Công nguyên. Sự tham gia ngày càng tích cực vào mạng lưới thương mại quốc tế trên biển, đặc biệt với các vùng - khu vực khác nhau trong không gian vịnh Thái Lan cũng như với Ấn Độ. Sự chuyển biến thuận lợi của điều kiện tự nhiên - môi trường đã thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng kinh tế - xã hội trên miền châu thổ và đã có đóng góp quan trọng vào sự hình thành của văn hóa Óc Eo vào đầu Công nguyên với Óc Eo - Ba Thê (An Giang) được biết đến là trung tâm dân cư, cảng thị quốc tế quan lớn của nền văn hóa này.

Từ khóa: Đồng bằng sông Cửu Long, Tiền sử muộn, thương mại biển, đô thị sớm, văn hóa Óc Eo.

1. DẪN LUẬN

Nam Bộ thời Tiền sử là một trong những trung tâm Kim khí lớn của khu vực với hai đỉnh cao hội tụ được xác lập qua các phức hệ văn hóa Tiền sử muộn Cù Lao Rùa - Dốc Chùa - Bưng Bạc và Suối Chồn - Giồng Cá Vồ (lưu vực sông Đồng Nai), Gò Cao Su - Lò Gạch - Gò Ô Chùa (lưu vực sông Vàm Cỏ), Gò Cây Tung - Giồng Xoài (Tây sông Hậu). Các phức hệ văn hóa này là minh chứng đậm nét cho những chuyển biến sâu rộng về kinh tế, văn hóa, xã hội, phản ánh chặng đường phát triển sau cùng của thời Tiền sử và quá độ sang thời Sơ sử.

Kết quả nghiên cứu khảo cổ học cho thấy, vào nửa đầu thiên niên kỷ I trước Công nguyên miền đồng bằng châu thổ sông Cửu Long hình thành và mở rộng nhanh chóng. Trong bối cảnh đó, các nhóm cư dân Tiền sử từ thềm cao phù sa cổ truyền

thống đã nhanh chóng tiến xuống vùng đất mới trù phú, định hình nên các điểm cư trú mới trên các vùng cửa sông và dần định hình hoạt động sản xuất - trao đổi thương mại với thế giới bên ngoài. Trên cơ sở đó, những trung tâm dân cư, chế tác mang dáng dấp đô thị sơ khai hình thành (Giồng Cá Vồ, Giồng Lớn, Gò Ô Chùa, Gò Hàng, K9, Giồng Cu, Giồng Xoài), tạo nên những mảnh ghép quan trọng trong vòng cung thương mại biển kết nối các vùng trong không gian Đông Nam Á.

2. TỔNG QUAN

2.1. Phương pháp và lý thuyết

Bài viết vận dụng phương pháp luận Sử học được vận dụng trên cơ sở tập hợp nguồn sử liệu thông qua các tư liệu khảo cổ học, phân tích - tổng hợp để làm rõ các đặc trưng văn hóa hàm chứa bên trong nội dung của từng loại, từng nhóm tư liệu khác nhau [4, tr. 64).

Các phương pháp nghiên cứu Địa chất, Cổ môi trường, Nhân học, Xã hội học, Đô thị học... được kết hợp vận dụng nhằm xác định niên đại, giải thích quá trình phát triển vùng đất, văn hóa, cư dân thời Tiền sử muộn ở đồng bằng sông Cửu Long và Nam Bộ.

Lý thuyết về sự hình thành đô thị: đô thị hình thành và phát triển khi nền sản xuất phát triển, nghề thủ công ra đời đã tập trung dân cư thành các nhóm, phường, hội và phát triển buôn bán, trao đổi hàng hóa, quan hệ thương mại, tạo ra nơi dừng chân, nơi nghỉ, trạm dịch. Một trong những chức năng của đô thị cổ là sản xuất, thương mại, dịch vụ bên cạnh chức năng phòng thủ, là nơi chốn tín ngưỡng... [13, tr. 4 - 5].

2.2. Các khái niệm

Giao lưu thương mại: là hoạt động trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa hai khu vực hoặc nhiều bên, thường đòi hỏi có sự vận chuyển từ nơi này đến nơi khác.

Tiền sử muộn (Late Prehistory): là chặng đường phát triển sau cùng của thời Tiền sử với những yếu tố văn hóa chứa đựng sự chuyển biến về mặt kinh tế - văn hóa - xã hội, bao gồm những nhân tố mới xuất hiện chuẩn bị cho sự hình thành của một cấu trúc tổ chức xã hội mới phát triển cao hơn. Các yếu tố mầm mống cho sự ra đời của đô thị và cấu trúc tổ chức nhà nước sơ khai, có nền tảng kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh và được thúc đẩy bởi sự phát triển của các kỹ thuật mới, kỹ nghệ chế tác, của sự trao đổi thương mại.

Giai đoạn tiền Óc Eo (Proto - Óc Eo): là giai đoạn phát triển văn hóa có tính chất chuyển tiếp từ Tiền sử sang giai đoạn đầu của văn hóa Óc Eo. Trong phân kỳ khảo cổ học, giai đoạn tiền Óc Eo tương đương với giai đoạn Sắt phát triển (2.200 - 2.000BP). Trong giai đoạn này, bên cạnh các yếu tố văn hóa truyền thống định hình từ thời tiền

sử xuất hiện những yếu tố mới có tính chất mầm mống của văn hóa Óc Eo đã phát triển mạnh và trở thành những đặc điểm văn hóa đặc trưng trong giai đoạn sớm của văn hóa Óc Eo. Tính chất cơ bản của giai đoạn tiền Óc Eo là sự phát triển của thủ công nghiệp, trao đổi thương mại quốc tế phát triển mạnh trên các vùng cửa sông và duyên hải..., định hình diện mạo đô thị sơ khai (hay *tiền đô thị*).

Giai đoạn Óc Eo sớm (Early Oc Eo): là giai đoạn đầu hình thành và phát triển của văn hóa Óc Eo (thế kỷ I - IIIAD), có đặc trưng các di tích phân bố tập trung trên rìa chuyển tiếp giữa thềm phù sa cổ và đồng bằng thấp châu thổ sông Cửu Long, trên các vùng cửa sông (cổ), các khu vực cận biển và ven biển. Các di tích phổ biến với loại hình di chỉ cư trú, cư trú xưởng chế tác thủ công, trao đổi thương mại liên vùng và quốc tế phát triển mạnh (Ấn Độ, La Mã, Trung Hoa, duyên hải miền Trung, Đông Nam Á).

2.3. Khái quát vị trí của Nam Bộ trong các tuyến hải hành cổ

Nam Bộ có đường bờ biển dài bao quanh từ phía đông vòng sang phía tây khu vực. Các quần đảo lớn nhỏ ở biển Đông và vịnh Thái Lan như quần đảo Trường Sa, Côn Đảo, Phú Quốc, Thổ Chu... là những điểm tiền tiêu và kết nối các tuyến đường giao thông biển giữa vùng hải đảo Đông Nam Á với Đông Á, Trung Hoa và rộng hơn - đến Ấn Độ qua dải đất hẹp nối Ấn Độ Dương với vịnh Thái Lan qua eo Kra ở miền Nam Thái Lan. Trên vòng cung biển kéo dài từ vùng cảng cổ Sa Huỳnh ở Quy Nhơn, qua vùng biển Vũng Tàu và Cần Giờ vượt qua các biển Cửa Đại - đảo Phú Quốc tới đỉnh cực nam của Việt Nam là mũi Cà Mau, tiếp tục vào vùng vịnh Thái Lan với đảo lớn Phú Quốc, Thổ Chu... tạo nên một hành lang giao thương biển sôi động trong quá khứ. Sự liên kết lục địa - biển đảo khiến Nam Bộ trở nên là một mắt xích quan trọng trên tuyến đường biển kết nối Đông - Tây này.

2.4. Các phức hệ văn hóa tiền sử muộn ở Nam Bộ

Miền Đông Nam Bộ, từ khoảng 3.000BP đến đầu Công nguyên đã chứng kiến bước chân chinh phục đầu tiên xuống dải đồng bằng hẹp ngập mặn cận biển, từ khu vực hạ lưu sông Đồng Nai - sông Sài Gòn vào khoảng 3.000 - 2.500BP (tiêu biểu với các di tích Cái Vạng, Cái Lăng, Gò Me, Long Bửu) đến các các gò - giồng cửa sông và ven biển thuộc khu vực Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh), vào khoảng 2.500 - 2.200 (di tích Bãi Cá Sóng, Giồng Ông Trọng, Giồng Cá Vồ 1, Giồng Phệt 1...) kéo dài đến 2.200 - 2.000BP (Giồng Cá Vồ 2 ở Cần Giờ, Giồng Lớn, Gò Đất Nại ở bán đảo Long Sơn hay Gò Nại cửa Lộc An (Bà Rịa - Vũng Tàu).

Qua mỗi giai đoạn phản ánh quá trình định hình và mở rộng quan hệ trao đổi từ không gian vùng đến mở rộng trao đổi bằng quá trình tham gia vào mạng lưới thương mại quốc tế vào thời đại Sắt phát triển, tương ứng với các giai đoạn phát triển từ hình thức trao đổi hàng hóa là các sản phẩm đặc thù giữa các cộng đồng với nhau (công cụ bán thành phẩm, vòng trang sức đá, vải - sợi, đồ đồng...) đến hình thức trao

đổi cao hơn giữa các vùng, các khu vực khác nhau thông qua mạng lưới thương mại biển của Đông Nam Á và xa hơn.

Các phát hiện ở khu vực Long Khánh (Đồng Nai, với di tích Hàng Gòn, Suối Chồn, Dầu Giây), Cần Giò (Thành phố Hồ Chí Minh, di tích Giồng Cá Vồ, Giồng Phệt), bán đảo Long Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu, Giồng Lớn, Gò Đất Nại), Vàm Cỏ Tây, Đồng Tháp Mười (Long An, Lò Gạch, Gò Ô Chùa, Gò Hàng) đến vùng vịnh Thái Lan (An Giang và Kiên Giang) cho thấy vào khoảng 2.500BP, cư dân Tiền sử Nam Bộ đã phát triển các mối quan hệ trao đổi thương mại và kết nối ngày càng sâu rộng vào mạng lưới thương mại quốc tế Đông - Tây. Các sản phẩm tiêu biểu như trang sức, nguyên liệu chế tác trang sức (đá quý, thủy tinh, kim loại) được du nhập từ bên ngoài vào, cũng như trung chuyển đến sản phẩm vào không gian nằm sâu trong nội địa, trên thềm cao phù sa cổ như các cụm di tích mộ chum - vò ở Dầu Giây, Suối Chồn, Phú Hòa, Hàng Gòn trên vùng đất đỏ Dầu Giây - Xuân Lộc (Long Khánh, Đồng Nai), Kim Long, Cù Bì (Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu) (Hình 1).



Hình 1: Bản đồ phân bố các di tích thời Tiền sử muộn muộn ở Nam Bộ (2.700-2.000 BP)

(Bản đồ nền: Google earth 12.6.2024; bổ sung: Nguyễn Quốc Mạnh)

Về không gian miền đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, khảo cổ học cũng xác định được hệ thống các di tích thời Tiền sử muộn (2.700 - 2.000BP) cũng có đặc điểm phân bố phản ánh quá trình mở rộng gắn liền quá trình hình thành và phát triển của miền đồng bằng này. Các di tích tiền sử muộn ở đây được tìm thấy phân bố tập trên thềm cao phù sa cổ có niên đại 2.700 - 2.200 (cao độ +3 đến +5m so với mực nước biển) phân bố từ vùng núi sót ở tỉnh An Giang (di tích Gò Cây Tung, Gò Me - Gò Sành, Phum Quao) của miền tây sông Hậu đến lưu vực sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây (di tích Gò Cao Su, Lò Gạch, Gò Ô Chùa). Tiếp sang giai đoạn 2.200 - 2.000BP xuất hiện những di tích cư trú phân bố trên các gò - giồng thấp có nguồn gốc từ cửa sông, bờ biển cổ (cao độ +1,5 đến trên +1,8m), tiêu biểu có các di tích Giồng Cu, K9, Giồng Xoài

ở miền tây sông Hậu và di tích Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đẽ, Tráp Gáo Miếu, Vĩnh Châu A ở lưu vực sông Vàm Cỏ Tây và Đồng Tháp Mười.

Các cứ liệu trên cho thấy, vào nửa cuối thiên niên kỷ I trước Công nguyên, cùng với quá trình hình thành miền đồng bằng châu thổ sông Cửu Long là sự lan tỏa các di tích thời tiền sử muộn có sự tương thích cao khi phạm vi phân bố của chúng phù hợp với đặc điểm phát triển của các đường bờ biển cổ, các vùng cửa sông cổ, phản ánh quá trình chinh phục và làm chủ vùng đất mới trù phú, một không gian mở thuận lợi cho hoạt động giao thương sau đó vào đầu Công nguyên.

Như vậy, đặc điểm vị trí địa lý và bối cảnh tự nhiên - môi trường của Nam Bộ từ nửa đầu thiên niên kỷ I trước Công nguyên đã góp phần thúc đẩy sự hình thành của các trung tâm dân cư mang dáng dấp đô thị sơ khai trên những vùng cửa sông dọc theo miền duyên hải ở Nam Bộ, kéo dài trên cung bờ biển cổ từ khu vực Cần Giờ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Vàm Cỏ - Đồng Tháp Mười đến vùng vịnh Thái Lan có cửa ngõ thông ra vùng vịnh Rạch Giá - Hà Tiên.

Về mặt văn hóa - xã hội, giai đoạn từ nửa cuối thiên niên kỷ I trước Công nguyên, các hoạt động trao đổi có tính chất thương mại phát triển nhanh chóng trên các khu vực cửa sông và cận biển, gồm các khu vực: Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh), bán đảo Long Sơn, cửa biển Lộc An (Đất Đỏ, Bà Rịa - Vũng Tàu) đến các gò - giồng ở thượng du sông Vàm Cỏ Tây - rìa Đồng Tháp Mười và các giồng cát trên vùng cận sinh ở vùng vịnh Thái Lan bao gồm khu vực Rạch Giá - Hà Tiên (Kiên Giang) và Thoại Sơn - Núi Sập (An Giang). Sự có mặt ngày càng nhiều của các sản phẩm ngoại nhập khẳng định Nam Bộ từ khoảng 2.500BP trên thực tế đã định hình diện mạo của đô thị sơ khai khi tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế với vai trò là trung tâm chế tác, cung cấp sản phẩm, điểm dừng chân - là nơi trung chuyển hàng hóa mà sản phẩm nổi bật là đồ trang sức, nguyên liệu chế tác đồ trang sức cũng như bao gồm cả tiếp nhận - giao lưu kỹ thuật gia công, chế tác mới...

Trong bối cảnh rộng hơn, khảo cổ học đã xác định sự hình thành của các cảng biển cổ ở Nam Việt Nam đã hình thành từ giai đoạn muộn của thời tiền sử ở vùng hạ lưu sông Đồng Nai - lưu vực sông Vàm Cỏ có mối quan hệ với các trung tâm tương tự trong khu vực như Lai Nghi, Hội An (Quảng Nam), Hòa Diêm (Cam Ranh, Khánh Hòa), Quy Nhơn (Bình Định), Bàu Hòe (Hòn Đỏ, Bình Thuận), hay với miền Trung và Nam Thái Lan và xa hơn với Trung Hoa - Ấn Độ. Khi thương mại giao lưu trao đổi giữa các vùng địa lý khác biệt mở rộng hơn, hòa nhập vào con đường trao đổi thương mại trên biển từ Trung Hoa đến các quốc gia khác bằng những giao thương trên khoảng cách xa hơn vào khoảng 1 - 2 thế kỷ trước Công nguyên, buôn bán tơ lụa Trung Hoa từ Hàng Châu, Phúc Châu, Bắc Kinh mang đến các quốc gia khác, bao gồm cả những vùng đất xa xôi ở phương Tây như La Mã (Địa Trung Hải), Ba Tư (Tây Á).

Trong đó, cư dân Tiền sử muộn ở Nam Bộ đã là một phần của mạng lưới thương mại biển đó.

Các di tích thời Tiền sử muộn ở vùng cận biển và duyên hải miền Đông Nam Bộ (Giồng Cá Vồ, Giồng Lớn, Gò Đất Nại là những cộng đồng nông - chài - thương với các yếu tố văn hóa du nhập rất đa dạng được tìm thấy trong loại hình di tích mộ táng. Những sản phẩm trao đổi tìm thấy trong mộ táng ở Giồng Cá Vồ, Giồng Phệt (Cần Giẻ, Thành phố Hồ Chí Minh), Giồng Lớn (Long Sơn, Bà Rịa - Vũng Tàu) có xuất xứ du nhập đa dạng, gồm có đồ gốm mịn đen có áo trắng xám và áo mỏng đen bóng (bát bông, thố, bình đáy bẹt) từ lưu vực sông Vàm Cỏ Tây, các loại nắp đậy có núm lớn hình tháp trang trí hình bốn con thú/chim trên đỉnh tương tự ở Tabon (Philippines), Ban Don Ta Phet (Thái Lan), trang sức bằng thủy tinh, agate, nephrite, đặc biệt là những chiếc vòng đá đang khoan chế tác, lõi vòng và nguyên liệu vòng bằng nephrite có xuất xứ từ Đài Loan. Các loại trang sức đặc trưng của khu vực Đông Nam Á gồm khuyên tai hai đầu thú, khuyên tai ba mẫu, vòng tay... khi mà chúng không chỉ được trao đổi dưới hình thức những sản phẩm đã hoàn thiện, mà nó còn được mở rộng và đa dạng hóa (chất liệu, kiểu dáng, kỹ thuật) thông qua việc trao đổi nguyên liệu chế tác (ngọc nephrite từ Đài Loan - Trung Quốc), hay đa dạng hóa chất liệu mới trên nền mẫu mã thông dụng (chế tác bằng các loại đá địa phương, bằng thủy tinh với kỹ thuật đúc...) để làm những loại sản phẩm quy chuẩn này (Hình 2).

Điều này vừa phản ánh nhu cầu lớn với các loại sản phẩm này, vừa thấy sự phát triển mạnh của các thị trường tiêu thụ, của sự thống nhất cao của hệ thống thương mại trong khu vực Đông Nam Á. Chúng lan tỏa đến mạng lưới giao thương ven biển và theo các dòng chảy nội địa đã phát triển lan tỏa trên khắp khu vực Đông Nam Á vào nửa cuối thiên niên kỷ I trước Công nguyên, từ đảo Đài Loan lan tỏa phân bố dọc theo duyên hải miền Trung Việt Nam (Đại Lãnh, Pa Xua, Tabhing) đến vùng cận biển miền Đông Nam Bộ (Giồng Cá Vồ) miền trung Thái Lan (U Thong, Ban Don Ta Phet) [3, tr. 239 - 241].

3. ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG BUỔI ĐẦU TIẾP XÚC TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Trên miền đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, khảo cổ học đã phát hiện các phức hệ văn hóa Tiền sử muộn có niên đại từ 2.700 - 2.000BP trên không gian vùng Vàm Cỏ Tây - rìa Đồng Tháp Mười đến miền Tây sông Hậu nằm trong không gian cửa sông cổ thuộc vùng vịnh Thái Lan (nay thuộc tỉnh An Giang và Kiên Giang).

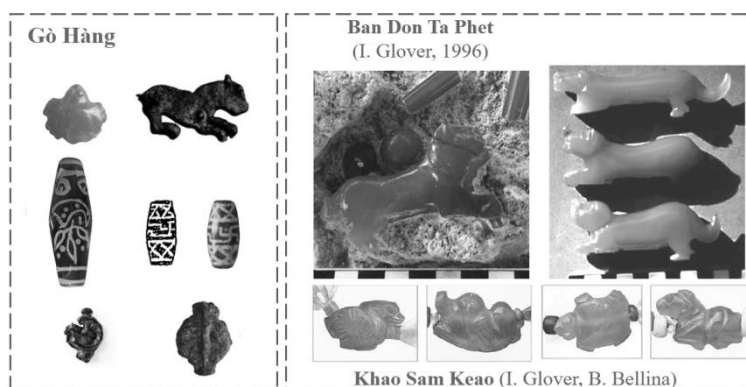
Các cứ liệu khảo cổ học và địa chất cho thấy, những di tích này phân bố trên các gò - giồng thấp cận biển và cửa sông (cổ) có niên đại vào khoảng 2.500 - 2.000BP. Đây là lớp người đầu tiên chinh phục và định cư ở vùng đất mới, hình thành những

trung tâm dân cư - thương mại có vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của miền đất này ở thời kỳ tiếp theo mà Óc Eo - Ba Thê là nơi hội tụ dưới, qua đó thúc đẩy sự hình thành nền văn minh đô thị - văn hóa Óc Eo vào đầu Công nguyên.

Các di tích tiêu biểu ở đồng bằng sông Cửu Long gồm Gò Ô Chùa, Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đế, Vĩnh Châu (Đồng Tháp Mười thuộc Long An); Gò Cây Tung, Gò Me - Gò Sành, K9, Giồng Cu, Giồng Xoài (Tây sông Hậu) phản ánh quá trình chuyển biến cấu trúc kinh tế - xã hội và sự tham gia vào mạng lưới trao đổi thương mại quốc tế trong khoảng giữa thiên niên kỷ I trước Công nguyên đến đầu Công nguyên song có nét đặc trưng riêng với nhiều khác biệt so với miền Đông Nam Bộ.

Tại Gò Ô Chùa, bên cạnh các loại hình vật dụng sinh hoạt bằng gốm, đất nung (bình, nồi, vò, bếp lò...), dụng cụ chế tác thủ công như dọi xe chỉ, khuôn đúc, dụng cụ lao động và vũ khí như thuồng, lao, rìu bằng đồng, sắt, xương thú còn có các loại trang sức bằng thủy tinh, đá quý... có nguồn gốc trao đổi [14, tr.47].

Với nhóm di tích Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đế nổi bật với những hạt chuỗi bằng agate khắc acid (etched bead) tương tự các hạt chuỗi cùng loại phát hiện trong các mộ chum ở Giồng Cá Vồ, Giồng Phệt [10, tr.31]. Loại hạt chuỗi mã não có khắc acid cũng được tìm thấy phổ biến ở miền Trung và miền Nam Thái Lan [2, tr. 204] hay di tích Lai Nghi (Quảng Nam) thuộc văn hóa Sa Huỳnh... đều có nguồn gốc ngoại nhập. Hay nhóm ba hạt chuỗi có khắc acid (etched bead), trong đó một tiêu bản bằng agate khắc hình chữ Vạn các biểu tượng liên quan đến Phật giáo như chữ Vạn (*Swastika*), cây cuộc sống và kiến trúc (*Asvattha*), trong đó các hiện vật bằng carnelian khắc nội dung Phật giáo của Gò Hàng nhiều khả năng được nhập từ Ấn Độ (Hình 2).



Hình 2: Các loại trang sức ở Gò Hàng, Ban Don Ta Phet, Khao Sam Kaeo

Tại di tích Gò Hàng còn có hiện vật hình con thú bằng kim loại đen (thiếc - chì) có đặc điểm tương tự những vật đeo bằng carnelian khắc hình sư tử, ở Ban Don Ta Phet, Khao Sam Kaeo (Thái Lan), hình rùa, hình cá, hình chim ở Khao Sam Kaeo, Lai Nghi. Bên cạnh đó là hàng trăm tiêu bản hạt chuỗi các loại bằng đá quý mà theo Nguyễn Kim Dung, nhiều khả năng được chế tác ra tại Gò Hàng, Gò Dung nhằm để

buôn bán, đồng thời di tích này cũng thu nhập khá nhiều di vật hạt chuỗi đặc trưng của các xưởng thủ công sản xuất hạt chuỗi đồng Ấn Độ như Khambhat, Arikamedu qua loại hình collar bead bằng đá crystal, hạt chuỗi dẹt đá carnelian, agate [10, tr. 25 - 26].

Nhìn chung, các di chỉ khác cùng thời không tìm thấy nhiều đồ trang sức mang tính thương mại mặc dầu hạt chuỗi đá quý hay thủy tinh đều đã tìm thấy, nhưng không gây ấn tượng mạnh như ở Gò Hàng và dường như sự tham góp vào quan hệ trao đổi buôn bán thường xuyên ở các loại hình mặt hàng khác như lương thực, gốm [7, tr. 762 - 780]. Tư liệu ở di tích Tiền sử muộn ở Vàm Cỏ Tây - Đồng Tháp Mười cho thấy khuynh hướng phát triển những quan hệ giao lưu trao đổi tiếp xúc với phần lục địa phía tây (Thailand, Campuchia) và sản phẩm giao lưu trao đổi không thiên về đồ trang sức. Sự buôn bán phát triển mang màu sắc lục địa cho ta thấy vai trò giao lưu trao đổi trên sông, đặc biệt là hệ thống sông Vàm Cỏ giữa Gò Ô Chùa - Prohear, Bit Meas (Prey Vieng, Campuchia) - Giồng Cá Vồ - Long Bửu - Giồng Lớn là cực kỳ quan trọng trong giai đoạn I của hội nhập thương mại quốc tế.

Ở miền Tây sông Hậu cũng có một phức hệ phát triển văn hóa từ hậu kỳ Đồng đến Sắt phát triển qua các di tích Gò Cây Tung - Gò Me - Gò Sành - Giồng Xoài. Không gian phân bố và khung niên đại của các di tích này phản ánh quá trình phát triển và lan tỏa nhanh chóng từ thềm cao phù sa cổ xuống vùng gò - giồng thấp trên rìa đồng bằng phù sa mới vừa được hình thành, diễn ra trong khoảng từ 2.700 - 2.000BP và hội tụ ở trung tâm thương cảng Óc Eo vào đầu Công nguyên.

Các di tích phân bố trên thềm cao phù sa cổ có niên đại từ khoảng 2.700 - 2.200 năm, tiêu biểu là Gò Cây Tung, An Phú, Phum Quao... phổ biến với loại hình đồ gốm thô cát thì bộ công cụ đá và vòng trang sức đá. Công cụ đá nơi đây thể hiện đặc trưng cơ bản của loại hình công cụ đá thuộc truyền thống văn hóa hải đảo. Các loại công cụ bằng đá phiến sừng được mài nhẵn - bóng, công cụ hình chữ nhật, hình ô van hay gần hình vuông... với bề mặt được mài nhẵn và cong lồi đặc trưng (*hình răng trâu*) của vùng Tứ Giác Long Xuyên thuộc miền tây sông Hậu cũng là những loại hình công cụ và vòng trang sức đá phổ biến trong nhiều di tích ở khu vực như Samrong Sen và Mlu Prei (vùng Biển Hồ Tonle Sap, trung lưu sông Mê Kông), trong các di tích ở Tây Nguyên như Lung Leng, Plei Krông, Buôn Triết, Buôn Brâu... hay trong các di tích đồng đại ở duyên hải miền Trung Việt Nam. Điều đó khẳng định vùng hải đảo đã có những giao lưu, trao đổi văn hóa với Đông Nam Á lục địa ngay từ thời đại đá mới [6, tr. 105 - 124].

Vị trí thuận lợi giúp cho cư dân tiền sử muộn ở khu vực Núi Sam - Bàu Núi đã dễ dàng tiếp xúc với văn hóa vùng hải đảo thông qua dải đất hẹp thuộc eo Kra ở miền Nam Thái Lan và đông bắc Malaysia, truyền tải tương tác văn hóa giữa lục địa với thế giới biển ở phía nam của khu vực, và sông Mê Kông đóng vai trò quan trọng chuyển

tài các yếu tố văn hóa và kết nối trong khu vực. Mỗi quan hệ này được định hình ngay từ hậu kỳ Đá mới, sơ kỳ Kim khí [6, tr. 106] đến giai đoạn giai đoạn Sắt phát triển.

Tiếp theo, trong lớp văn hóa cư trú muộn ở các di tích này còn xuất hiện số lượng ít loại gốm mịn đen, gốm mịn màu vàng cam cùng với các loại hình cà ràng có mũi uốn cong, mũi to dẹt hình đầu cá sâu vốn là các loại hình đồ gốm phổ biến ở khu vực Vàm Cỏ - Đồng Tháp Mười (Gò Ô Chùa, Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đế...) cũng như phổ biến trong các di tích đồng đại trên vùng gò - giồng thấp ven rìa đồng bằng phù sa mới và vùng cửa sông (vịnh Rạch Giá, Hà Tiên) như Xoa Áo, Giồng Cu, K9, Giồng Xoài. Trong đó, Giồng Xoài là điểm cư trú đầu tiên trên cánh đồng Óc Eo, đánh dấu sự hình thành và phát triển của đô thị cổ Óc Eo vào đầu Công nguyên.

Loại gốm mịn đen gồm các loại bát bồng chân cao, bình, thố, vò... trong hầu hết các di tích tiền sử muộn ở đồng bằng sông Cửu Long cũng được tìm thấy phổ biến trong các di tích thời đại Sắt ở khu vực như Prohear, Angkor Borei ((Prei Veng và Takeo, Campuchia) [1, tr. 43 - 44; 5, tr. 96 - 100] cũng như ở Kelantan (Malaysia) [12, tr. 67].

Về mối quan hệ với thế giới hải đảo và các khu vực trong không gian Đông Nam Á, một số học giả đề cập đến thương mại biển giai đoạn trước Công nguyên ở Đông Nam Á gắn với khái niệm **“con đường hương liệu”** từ vùng cận nam của Đông Nam Á hải đảo, trong khu vực phía Nam Phillippines và Indonesia. Những kết quả nghiên cứu gần đây ở Óc Eo về vết tích bột gia vị (nhục đậu khấu, củ nghệ, ngải bún, gừng cát, đinh hương...) có niên đại thế kỷ II AD, trong đó đinh hương và nhục đậu khấu có nguồn gốc từ đảo Molucas (đông Indonesia) được “nhập khẩu” vào Óc Eo và trở thành một mặt hàng buôn bán với các thương nhân phương xa trong mạng lưới hải thương thời cổ đại [8, tr. 47]. Hương liệu và gia vị trước đó đã được nhắc đến như là sản phẩm quan trọng từ vùng nhiệt đới được khai thác trao đổi với các nhóm chủng Austronesian ở khu vực Madagascar và các quần đảo Ấn Độ Dương nhưng đây là tư liệu cụ thể chứng minh cho điều này trên thực tế. Trong đó, theo dòng duyên hải Đông Phi, Ethiopia hương liệu và gia vị nhiệt đới tiếp tục được mang đến cả vùng bờ biển Đỏ. Ngay từ thời kỳ này, Ấn Độ đã là một thế lực mạnh buôn bán đường biển với Trung Hoa men theo vịnh Begal bờ biển Miến Điện, Thái Lan, Mã Lai qua kênh Kra để vào vịnh Thái và Óc Eo trước khi đi Quảng Châu.

Theo Ian Glover và Berenice Bellina thì Ban Don Ta Phet có lẽ là di chỉ sớm nhất của sự tiếp xúc Ấn Độ đến Đông Nam Á (thế kỷ V trước Công nguyên) [2, tr. 243 - 244], nhưng những niên đại C¹⁴ ở một số di chỉ thời đại Sắt sớm ở miền Nam Việt Nam cũng tương đương như vậy. Do đó, có thể cùng một lúc có nhiều “chuyến hàng” được xuất đi không chỉ từ một mà vài di chỉ xưởng chế tạo hạt chuỗi carnelian, agate ở miền nam hay miền Đông Ấn Độ, đến các vùng khác nhau ở Đông Nam Á, trong đó có Nam

Bộ Việt Nam vào những thế kỷ cuối trước Công nguyên (Gò Ô Chùa, Gò Hàng, Gò Dung, K9...).

Solheim. W. G đã thiết lập một mạng lưới thương mại đường biển ở Đông Nam Á từ năm 1957 dựa trên các bằng chứng của phức hệ gồm Sa Huỳnh - Kalanay và khuyến tai đặc trưng Sa Huỳnh hai đầu thú, ba mẫu trong hầu hết các quốc gia Đông Nam Á lục địa và hải đảo. Khái niệm mạng lưới thương mại đường biển (maritime network of interaction) của ông đã dần được chứng minh và phân tích với nhiều bằng chứng xác đáng sau này, trong đó những yếu tố giao lưu với phía tây là không thể bỏ qua [3, tr. 235].

Khi trao đổi thương mại giữa các vùng địa lý khác biệt mở rộng, hòa nhập vào con đường tơ lụa biển (Maritime silk road) từ Trung Hoa trên kết nối những vùng đất xa hơn với nhau vào khoảng 1 - 2 thế kỷ trước Công nguyên. Các trung tâm sản xuất hàng tơ lụa ở Trung Hoa như Hàng Châu, Phúc Châu, Bắc Kinh đến các quốc gia khác, những lục địa khác, trong đó có La Mã, thì cư dân Nam Bộ giai đoạn tiền Văn hóa Óc Eo đã tham dự tích cực vào mạng lưới trao đổi buôn bán đường biển đó, tạo động lực cho sự ra đời của nền văn minh đô thị sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á và đầu Công nguyên.

Nhu cầu đặt ra từ con đường thương mại quốc tế đối với vai trò của các di tích vào giai đoạn này có chức năng là những trung tâm hoặc đầu mối trao đổi trong mạng lưới thương mại quốc tế và nội địa được hình thành ở Nam Bộ trong thời gian khá dài và phụ thuộc vào chế độ gió mùa của biển.

Những tiếp xúc thương mại của nam Việt Nam với thế giới bên ngoài rõ rệt nhất từ giữa thiên niên kỷ I trước Công nguyên qua các di tích mộ táng và di vật có liên quan được tìm thấy từ Gò Ô Chùa (tiền sử muộn) đến mộ vò ở Linh Sơn Nam (Óc Eo - Ba Thê), Thổ Chu (Kiên Giang). Hình thức mai táng sử dụng quan tài chum cũng gắn liền với sự lan tỏa trao đổi thương mại trong khu vực Đông Nam Á và rộng hơn trong suốt tiến trình này.

KẾT LUẬN

Nam Bộ trong thiên niên kỷ I trước Công nguyên đến đầu Công nguyên đã chứng kiến những chuyển biến sâu rộng về mặt địa lý tự nhiên, môi trường với quá trình hình thành và mở rộng của miền đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Đây cũng là một trong những thời kỳ phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử miền đất này, với hai đỉnh cao hội tụ của thời đại Kim khí (Đồng – Sắt), góp phần đưa đến sự ra đời của cấu trúc kinh tế - văn hóa - xã hội mới, chuẩn bị cho sự hình thành của nền văn hóa đô thị vào đầu Công nguyên – văn hóa Óc Eo. Bước phát triển này cũng đồng thời đánh dấu cho chặng đường phát triển sau cùng của thời Tiền sử trên vùng đất này.

Trong bối cảnh đó, quá trình chinh phục và làm chủ miền đồng bằng sông Cửu Long cư dân Tiền sử muộn ở Nam Bộ, góp phần hình thành nên những trung tâm dân cư mới có nền kinh tế nông nghiệp ổn định, mở rộng chế tác thủ công và phát triển hoạt động trao đổi thương mại liên vùng và quốc tế. Các cứ liệu khảo cổ học đã khẳng định mối quan hệ trao đổi thương mại chặt chẽ giữa miền đất này với vùng vịnh Thái Lan, duyên hải miền Trung Việt Nam, vùng hải đảo Đông Nam Á cũng như dần trở thành trung tâm thương mại với vai trò là cầu nối quan trọng trên tuyến thương mại biển kết nối Đông - Tây từ cuối thiên niên kỷ I trước Công nguyên sang đầu Công nguyên.

Kết quả nghiên cứu đối với thời Tiền sử muộn ở đồng bằng sông Cửu Long góp phần quan trọng vào việc nhận diện trên thực tiễn đặc điểm quá trình vận động và chuyển biến từ thời Tiền sử sang văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ và khu vực, bao gồm sự hình thành các trung tâm dân cư mang dáng dấp đô thị sơ khai, sự ra đời của nền văn hóa đô thị trên miền đồng bằng châu thổ vào đầu Công nguyên.

LỜI CẢM ƠN

Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu thuộc Đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu các di tích khảo cổ học thời tiền sử muộn ở lưu vực sông Vàm Cỏ” do Nguyễn Quốc Mạnh làm chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Andreas Reinecker, Vin Laychour, Seng Sonetra (2009). *The first golden age of Cambodia: Excavation at Prohear*. Bonn, Germany.
- [2]. Ian Glover and Bérénice Bellina (2001). Alkaline Etched Beads East of India in the late Prehistoric and Early Historic Periods. *BEFEO*, 88, pp. 191 - 215.
- [3]. Hsiao - chun Hung, Peter Bellwood (2010). Movement of raw Materials and manufactured goods across the South China Sea after 500 BCE: From Taiwan to Thailand, and back, in “50 years of Archaeology in Southeast Asia: Essays in Honour of Ian Glover”. River book, Bangkok, pp. 238 - 246.
- [4]. Lê Tử Thành (1996). *Logích học và phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Mariam Stark (2004). Pre - Angkorian and Angkorian Cambodia, In “*The Southeast Asia from prehistory to history*” (edited by Ian Glover and Peter Bellwood), Publishing by Routledge Curzon, London&New York, pp. 89 - 119.
- [6]. Ngô Thế Phong (1998). Về giai đoạn hậu kỳ đá mới-sơ kỳ kim khí ở Việt Nam và Đông Nam Á, *Thông báo khoa học Bảo tàng lịch sử Việt Nam năm 1998*, tr.105-124.

- [7]. Ngô Thế Phong, Bùi Phát Diệm (2005). Di chỉ Gò Ô Chùa (Long An) - tiền Óc Eo hay Óc Eo, trong *"Một thế kỷ Khảo cổ học Việt Nam - tập II"*. NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 762 - 780.
- [8]. Nguyễn Khánh Trung Kiên, Hsiao-chun Hung, Weiwei Wang (2023). Phát hiện mới về gia vị ngoại nhập tại di tích Óc Eo-Ba Thê (An Giang) qua nghiên cứu tư liệu. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 6/2023, tr. 40 - 48.
- [9]. Nguyễn Kim Dung (1995). Đồ trang sức trong các mộ chum ở Cần Giò, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2/1995, tr. 27 - 46.
- [10]. Nguyen Kim Dung. 2014. Sa Huynh Jade Ornaments - Evidence of Early Trading Contact in Southeast Asia 『東南アジア考古学』 34 号(2014), *Journal of Southeast Asian Archaeology*, N.34 (2014). Tokyo, Japan (p 15 - 31) (English and Japanese).
- [11]. Nguyễn Quốc Mạnh (2015). Di tích tiền sử muôn ở An Giang - đặc trưng và niên đại, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 11/2015, tr. 80 - 96.
- [12]. Nguyễn Quốc Mạnh (2019). *Các di tích khảo cổ học tiền Óc Eo ở vùng Tứ Giác Long Xuyên trong quá trình hình thành văn hóa Óc Eo ở miền Tây Nam Bộ*. Luận án Tiến sĩ khoa học Lịch sử.
- [13]. Nguyễn Sĩ Quế, Nguyễn Thị Thanh Mai, Lưu Trường Giang, Dương Quỳnh Nga (2012). *Lịch sử đô thị*. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [14]. Nguyễn Xuân Mạnh, Đặng Hồng Sơn, A. Reinecke (2007). Địa điểm Gò Ô Chùa (Long An) với quá trình chuyển tiếp tiền Óc Eo lên Óc Eo ở Nam Bộ, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 6/2007, tr. 37-55.
- [15]. Võ Sĩ Khải (1990). Khảo sát những di tích khảo cổ học ở Đồng Tháp Mười (Long An), trong *"Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1986"*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, trang 227 - 229.

THE CUU LONG RIVER DELTA IN THE EARLY STAGES OF INTERNATIONAL TRADE EXCHANGE

Nguyen Quoc Manh

Southern Institute of Social Sciences

Email: nguyenmanh2879@yahoo.com

ABSTRACT

Late Prehistoric sites (2,700 - 2,000 BP) in the Cuu Long River Delta are an important part of the Prehistoric cultural tradition in Southern Vietnam. Archaeological discoveries indicate that prehistoric people in this zone had established vibrant trade and exchange networks as early as the second half of the first millennium BC. They participated increasingly actively in the international maritime trade network, especially with various regions and areas within the Gulf of Thailand, as well as with India. The favorable changes in natural conditions and the environment promoted rapid socio-economic development in the delta, contributing significantly to the formation of the Oc Eo culture in the early centuries AD. Oc Eo - Ba The (An Giang) is known as a population center and a major international port city of this culture.

Keywords: Cuu Long river delta, late-prehistory, maritime trade, early urban, Oc Eo culture.



Nguyễn Quốc Mạnh sinh ngày 08/02/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2001, ông tốt nghiệp đại học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2009, ông nhận bằng thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2019, ông nhận tiến sĩ khảo cổ học tại Học viện Khoa học Xã hội. Hiện nay, ông công tác tại Trung tâm Khảo cổ học (Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ).